TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 422/2023/DS-PT
Ngày: 11-8-2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt;

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền;

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 557/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Mai Thị N, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Hậu Phú 2, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Bà Mai Thị Hồng A, sinh năm 1984 (có mặt);

2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Hậu Phú 2, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng*:

1. Mai Văn T1, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Hậu Phú 2, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Lê Thị D, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Hậu Phú 2, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Mai Văn N1, sinh năm 1983 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp Hậu Phú 2, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
4. Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1965 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp Hậu Phú 2, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
5. Huỳnh Thị M1, sinh năm 1962 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp Hậu Phú 2, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
6. Lê Thị T2, sinh năm 1988 (có mặt);
Địa chỉ: ấp Hậu Phú 2, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
7. Đoàn Thị N2, sinh năm 1984 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp Hậu Phú 2, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
8. Phạm Thanh T3, sinh năm 1978 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp Hậu Phú 2, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
9. Lê Thị T4, sinh năm 1993 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp Hậu Phú 2, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
10. Trần Thị V, sinh năm 1990 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp Hậu Phú 2, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
11. Mai Văn T5, sinh năm 1973 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp Hậu Phú 2, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
12. Lê Thị Y, sinh năm 1979 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp Hậu Phú 2, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
13. Lê Thị Trường G, sinh năm 1989 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp Mỹ Trinh B, xã Hậu Mỹ Trinh, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
14. Phan Thị D1, sinh năm 1971 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp Hậu Phú 2, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
15. Võ Huỳnh V1, sinh năm 1983 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp Mỹ Trinh B, xã Hậu Mỹ Trinh, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
16. Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1984 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp 3, xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.
17. Trương Thị Thanh T6, sinh năm 1973 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp Hậu Phú 2, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- *Người kháng cáo:* Bị đơn Mai Thị Hồng A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn bà Mai Thị N trình bày*:

Bà với bà A là chị em chú bác ruột, có tham gia chơi chung hụi với nhau gồm các dây hụi sau:

Hụi do bà N làm đầu thảo, bà A là hụi viên gồm:

1. Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 02/8/2020 âm lịch, gồm 27 phần, bà A vô 02 phần, đã hốt hết, đóng hụi chết đến tháng 5/2022 thì ngưng. Còn nợ lại 12 phần hụi chết là 24.000.000 đồng. Hụi đã mãn ngày 02/10/2022 âm lịch.

2. Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 06/9/2020 âm lịch, gồm 23 phần, bà A vô 01 phần, đã hốt hết, đóng hụi chết đến tháng 5/2022 thì ngưng. Còn nợ lại 06 phần hụi chết là 6.000.000 đồng. Hụi mãn tháng 8/2022 âm lịch.

3. Hụi tháng 3.000.000 đồng, khui ngày 10/11/2020 âm lịch, gồm 26 phần, bà A vô 01 phần, đã hốt hết, đóng hụi chết đến tháng 5/2022 thì ngưng. Còn nợ lại 24 phần hụi chết là 24.000.000 đồng. Hụi này còn 02 phần nữa là mãn.

4. Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 15/12/2021 âm lịch, gồm 27 phần, bà A vô 02 phần, đã hốt hết, đóng hụi chết đến tháng 5/2022 thì ngưng. Còn nợ lại 10 phần hụi chết là 20.000.000 đồng. Hụi này còn 04 phần nữa là mãn.

5. Hụi tháng 3.000.000 đồng, khui ngày 15/9/2021 âm lịch, gồm 26 phần, bà A vô 02 phần, đã hốt hết, đóng hụi chết đến tháng 5/2022 thì ngưng. Còn nợ lại 18 phần hụi chết là 108.000.000 đồng. Hụi này còn 12 phần nữa là mãn.

6. Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 24/9/2021 âm lịch, gồm 24 phần, bà A vô 01 phần, đã hốt hết, đóng hụi chết đến tháng 5/2022 thì ngưng. Còn nợ lại 16 phần hụi chết là 32.000.000 đồng. Hụi này còn 11 phần nữa là mãn.

Hụi tháng tổng cộng bà A nợ 214.000.000 đồng, bà A có chỉ cho bà gom của chị Diễm là thành viên chơi hụi của bà A và lấy được 10.000.000 đồng nên bà A còn nợ hụi tháng là 204.000.000 đồng.

7. Hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 06/02/2020 âm lịch, gồm 20 phần, bà A vô 01 phần, đã hốt và đóng được 11 phần, còn nợ lại 09 phần là 45.000.000 đồng. Hụi này còn 15 phần nữa là mãn.

8. Hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 06/5/2020 âm lịch, gồm 21 phần, bà A vô 01 phần, đã hốt và đóng được 10 phần, còn nợ lại 11 phần là 55.000.000 đồng. Hụi này còn 10 phần nữa là mãn.

9. Hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 06/8/2020 âm lịch, gồm 24 phần, bà A vô 02 phần, đã hốt và đóng được 09 phần, còn nợ lại 15 phần là 150.000.000 đồng. Hụi này còn 09 phần nữa là mãn.

Hụi mùa tổng cộng bà A nợ 250.000.000 đồng.

Hụi do bà A làm đầu thảo, bà N là hụi viên gồm:

1. Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 29/3/2020 âm lịch, gồm 25 phần, bà vô 02 phần, đóng được 23 phần hụi sống và hốt chót 02 phần là 92.000.000 đồng, trừ thảo 2.000.000 đồng, còn lại 90.000.000 đồng. Hụi đã mãn tháng 02/2022 âm lịch.

2. Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 10/5/2020 âm lịch, gồm 25 phần, bà vô 02 phần, đóng hụi đến tháng 7/2021 âm lịch thì ngưng do khui hụi không đúng ngày. Bà có nói luật chơi nếu hụi nghỉ ngang thì đến khi mãn hụi mới nhận lại tiền mình tham gia. Tổng cộng đóng 14 phần là 56.000.000 đồng. Hụi đã mãn.

Hụi tháng tổng cộng bà A nợ 146.000.000 đồng.

3. Hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 20/5/2015 âm lịch, gồm 21 phần, bà vô 01 phần, đóng hụi đến tháng 7/2022 âm lịch thì hốt 19 phần × 5.000.000 đồng = 95.000.000 đồng, còn 01 phần nữa thì bị ngưng hụi.

4. Hụi mùa 10.000.000 đồng, khui ngày 20/8/2016 âm lịch, gồm 17 phần, bà vô 01 phần, đóng 17 phần thì ngưng hụi, 17 phần là 170.000.000 đồng.

Hụi mùa tổng cộng bà A nợ 265.000.000 đồng.

Tổng cộng bà A, ông T nợ bà 865.000.000 đồng. Bà yêu cầu bà A, ông T trả 865.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N yêu cầu bà A, ông T trả tiền hụi bà đã choàng thay là 192.000.000 đồng trừ đi 35.000.000 đồng tiền hụi mà bà thu được từ hụi viên của bà A còn 157.000.000 đồng; đối với các dây hụi chưa mãn yêu cầu bà A, ông T tiếp tục đóng hụi chết khi tới kỳ hụi. Đối với các dây hụi bà A làm đầu thảo còn nợ bà, bà yêu cầu bà A ông T trả bà 411.000.000 đồng trừ 35.000.000 đồng tiền hụi bà hứa cho vợ chồng bà A trước đây là còn 376.000.000 đồng. Tổng cộng bà A, ông T phải trả bà 533.000.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà Mai Thị Hồng A trình bày*:

Bà A và bà Mai Thị N có quan hệ bà con với nhau. Bà có chơi hụi do bà N làm đầu thảo và bà N cũng có chơi hụi do bà làm đầu thảo.

Đối với hụi do bà N làm đầu thảo kê trong đơn khởi kiện bà không có tham gia do trước đó bà N rủ bà chơi nhưng bà không chơi, bà N không có đưa giấy hụi. Bà có chơi dây hụi khác do bà N làm đầu thảo nhưng bà đã đóng đầy đủ và kết thúc hụi rồi.

Đối với hụi bà làm đầu thảo:

1. Hụi tháng dây hụi 2.000.000 đồng, hụi có 25 phần, khui lần đầu ngày 29/3/2020 âm lịch bà N có tham gia 02 phần nhưng đóng được một hai lần gì đó thì bà và bà N xảy ra cự cãi, bà N không tham gia chơi hụi nữa nên bà đã hoàn tiền cho bà N và kết thúc dây hụi này với bà N xong rồi.

2. Hụi tháng dây hụi 2.000.000 đồng, hụi có 25 phần, khui lần đầu ngày 10/5/2020 âm lịch có ghi tên bà N nhưng bà N không có tham gia, sau đó bà tìm được người khác chơi nên đã xóa tên bà N ghi tên người khác.

3. Hụi mùa ngày 10/5/2020 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng, hụi gồm 21 phần, bà xác định bà N không có tham gia.

4. Hụi mùa 10.000.000 đồng hụi khui ngày 20/8/2016 âm lịch, hụi 23 phần, bà N chơi 01 phần đóng được 17 lần hụi sống với số tiền 99.870.000 đồng thì ngưng hụi cho đến nay. Qua họp hụi viên dây hụi này chỉ trả vốn cho hụi viên còn sống, đối với hụi viên đã hốt thì đóng như bình thường.

Khi bà tổ chức chơi hụi bà có photo danh sách hụi viên chơi hụi, hụi viên nào đến nhà bà khui hụi thì lấy chứ bà không có giao tận tay từng người.

Nay bà chỉ đồng ý trả bà N số tiền hụi dây hụi mùa 10.000.000 đồng số tiền 99.870.000 đồng nhưng xin trả 03 tháng trả 6.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà A chỉ đồng ý trả bà N 99.870.000 đồng của dây hụi mùa 10.000.000 đồng hụi khui ngày 20/8/2016 âm lịch nhưng phải trừ 35.000.000 đồng tiền hụi bà N đã lấy của hụi viên bà, còn lại là 64.870.000 đồng, bà xin trả 03 tháng trả 6.000.000 đồng.

** Bị đơn ông Lê Văn T trình bày:*

Việc chơi hụi của bà A, ông không có tham gia, không biết gì. Nay bà N kiện ông cũng đồng ý cùng vợ Mai Thị Hồng A trả bà N 99.870.000 đồng nhưng xin trả 03 tháng trả 6.000.000 đồng.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 03/02/2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các điều 147, 227, 228 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị N.

1. Buộc bà Mai Thị Hồng A và ông Lê Văn T phải trả cho bà Mai Thị N 533.000.000 đồng tiền hụi.

2. Bà Mai Thị Hồng A và ông Lê Văn T phải tiếp tục trả cho bà Mai Thị N tiền hụi chết chưa đến kỳ khui hụi là 236.000.000 đồng khi đến kỳ khui hụi cho đến khi dây hụi mãn cụ thể như sau:

- Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 15/12/2021 âm lịch, gồm 27 phần, còn 02 kỳ hụi chết là 4.000.000 đồng.

- Hụi tháng 3.000.000 đồng, khui ngày 15/9/2021 âm lịch, gồm 26 phần, còn 09 kỳ hụi chết là 54.000.000 đồng.

- Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 24/9/2021 âm lịch, gồm 24 phần, còn 09 kỳ hụi chết là 18.000.000 đồng.

- Hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 06/02/2020 âm lịch, gồm 20 phần còn 08 kỳ hụi chết là 40.000.000 đồng.

- Hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 06/5/2020 âm lịch, gồm 21 phần còn 10 kỳ hụi chết là 50.000.000 đồng.

- Hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 06/8/2020 âm lịch, gồm 24 phần còn 07 kỳ hụi chết là 70.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 13 tháng 02 năm 2023, bị đơn bà Mai Thị Hồng A có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 03/02/2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà A chỉ đồng ý trả số tiền 64.870.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà A trả tiền nợ hụi đối với dây hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 20/5/2015 âm lịch, gồm 21 phần. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết yêu cầu kháng cáo: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà A, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu giải quyết dây hụi mùa 5.000.000 đồng, gồm 21 phần, khui ngày 20/5/2015 âm lịch và sửa một phần Bản án sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 03/02/2023.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn Mai Thị Hồng A nộp trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật nên đủ điều kiện được thụ lý và xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn Lê Văn T có đơn đề nghị vắng mặt phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A vẫn giữ yêu cầu kháng cáo đã nêu trong Đơn kháng cáo ngày 13/02/2023, bà A kháng cáo toàn bộ Bản án số 15/2023/DS-ST, không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, bà A chỉ đồng ý trả số tiền hụi 64.870.000 đồng (hụi khui ngày 20/8/2016 âm lịch); đối với các dây hụi còn lại, bà A không tham gia nên không đồng ý trả.

Xét thấy, theo lời trình bày của bà N thì giữa bà N và bà A có tiến hành giao dịch góp hụi cụ thể như sau:

- Hụi do bà N làm chủ hụi (đầu thảo), bà A là hụi viên gồm 06 dây hụi tháng và 03 dây hụi mùa, gồm:

1. Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 02/8/2020 âm lịch, gồm 27 phần, bà A tham gia 02 phần, đã hốt hết, đóng hụi chết đến tháng 5/2022 thì ngưng. Còn nợ lại 12 phần hụi chết là 24.000.000 đồng. Hụi đã mãn ngày 02/10/2022 âm lịch.

2. Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 06/9/2020 âm lịch, gồm 23 phần, bà A tham gia 01 phần, đã hốt hết, đóng hụi chết đến tháng 5/2022 thì ngưng. Còn nợ lại 06 phần hụi chết là 6.000.000 đồng. Hụi mãn tháng 8/2022 âm lịch.

3. Hụi tháng 3.000.000 đồng, khui ngày 10/11/2020 âm lịch, gồm 26 phần, bà A tham gia 01 phần, đã hốt hết, đóng hụi chết đến tháng 5/2022 thì ngưng. Còn nợ lại 24 phần hụi chết là 24.000.000 đồng. Hụi này còn 02 phần nữa là mãn.

4. Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 15/12/2021 âm lịch, gồm 27 phần, bà A tham gia 02 phần, đã hốt hết, đóng hụi chết đến tháng 5/2022 thì ngưng. Còn nợ lại 10 phần hụi chết là 20.000.000 đồng. Hụi này còn 04 phần nữa là mãn.

5. Hụi tháng 3.000.000 đồng, khui ngày 15/9/2021 âm lịch, gồm 26 phần, bà A tham gia 02 phần, đã hốt hết, đóng hụi chết đến tháng 5/2022 thì ngưng. Còn nợ lại 18 phần hụi chết là 108.000.000 đồng. Hụi này còn 12 phần nữa là mãn.

6. Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 24/9/2021 âm lịch, gồm 24 phần, bà A tham gia 01 phần, đã hốt hết, đóng hụi chết đến tháng 5/2022 thì ngưng. Còn nợ lại 16 phần hụi chết là 32.000.000 đồng. Hụi này còn 11 phần nữa là mãn.

Hụi tháng tổng cộng bà A nợ 214.000.000 đồng, bà A có chỉ cho bà gom của chị Diễm là thành viên chơi hụi của bà A và lấy được 10.000.000 đồng nên bà A còn nợ hụi tháng là 204.000.000 đồng.

7. Hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 06/02/2020 âm lịch, gồm 20 phần, bà A tham gia 01 phần, đã hốt và đóng được 11 phần, còn nợ lại 09 phần là 45.000.000 đồng. Hụi này còn 15 phần nữa là mãn.

8. Hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 06/5/2020 âm lịch, gồm 21 phần, bà A tham gia 01 phần, đã hốt và đóng được 10 phần, còn nợ lại 11 phần là 55.000.000 đồng. Hụi này còn 10 phần nữa là mãn.

9. Hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 06/8/2020 âm lịch, gồm 24 phần, bà A tham gia 02 phần, đã hốt và đóng được 09 phần, còn nợ lại 15 phần là 150.000.000 đồng. Hụi này còn 09 phần nữa là mãn.

Hụi mùa tổng cộng bà A nợ 250.000.000 đồng.

***- Hụi do bà A làm chủ hụi (đầu thảo), bà N là hụi viên gồm*:**

1. Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 29/3/2020 âm lịch, gồm 25 phần, bà vô 02 phần, đóng được 23 phần hụi sống và hốt chót 02 phần là 92.000.000 đồng, trừ thảo 2.000.000 đồng, còn lại 90.000.000 đồng. Hụi đã mãn tháng 02/2022 âm lịch.

2. Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 10/5/2020 âm lịch, gồm 25 phần, bà vô 02 phần, đóng hụi đến tháng 7/2021 âm lịch thì ngưng do khui hụi không đúng ngày. Bà có nói luật chơi nếu hụi nghỉ ngang thì đến khi mãn hụi mới nhận lại tiền mình tham gia. Tổng cộng đóng 14 phần là 56.000.000 đồng. Hụi đã mãn.

Hụi tháng tổng cộng bà A nợ 146.000.000 đồng.

3. Hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 20/5/2015 âm lịch, gồm 21 phần, bà vô 01 phần, đóng hụi đến tháng 7/2022 âm lịch thì hốt 19 phần × 5.000.000 đồng = 95.000.000 đồng, còn 01 phần nữa thì bị ngưng hụi. Dây hụi này bà N khai là mua hụi lại và tham gia thay anh Chuyện.

4. Hụi mùa 10.000.000 đồng, khui ngày 20/8/2016 âm lịch, gồm 17 phần, bà vô 01 phần, đóng 17 phần thì ngưng hụi, 17 phần là 170.000.000 đồng.

Bà A không thừa nhận là có tham gia tất cả các dây hụi do bà N làm chủ hụi; đối với các dây hụi do bà A làm chủ, bà A thừa nhận bà N có tham gia dây hụi mùa khui ngày 20/8/2016 âm lịch (bút lục 58); dây hụi tháng khui ngày 29/3/2020 âm lịch, bà N tham gia đóng được một – hai kỳ thì có cự cãi và bà N không tham gia nữa; lời thừa nhận này của bà A không được sự đồng ý của bà N.

Bà A khai, đối với dây hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 20/5/2015 âm lịch, gồm 21 phần thì trong danh sách không có bà N mà có tên anh Chuyện tham gia, bà A không biết việc mua bán hụi giữa bà N và anh Chuyện nên không đồng ý với yêu cầu của bà N; qua lời khai của bà A, bà N rút yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tiền nợ hụi đối với dây hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 20/5/2015 âm lịch; bà N sẽ khởi kiện lại bằng vụ kiện khác và bà A đồng ý với yêu cầu này của bà N. Xét yêu cầu trên của bà N là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cần hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ yêu cầu giải quyết tiền nợ hụi đối với dây hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 20/5/2015 âm lịch của bà N.

Như vậy, số tiền bà A và ông T nợ hụi theo yêu cầu của bà N tại thời điểm xét xử sơ thẩm (chưa tính số tiền đóng hụi chết khi đến kỳ mở hụi) là 438.000.000 đồng, và số tiền hụi chết phải đóng tiếp khi đến kỳ khui hụi của các dây hụi chưa mãn là 236.000.000 đồng.

Xét, khi bà N và bà A tổ chức hay tham gia các dây hụi đều không tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quy định tại Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ, cụ thể: không mở sổ hụi (Điều 12 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP); không có các giấy biên nhận khi lĩnh hụi ở các kỳ mở hụi (Điều 13 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP). Mặc dù bà A không thừa nhận có tham gia các giao dịch góp hụi với bà N, nhưng căn cứ vào lời trình bày của các hụi viên (là 17 người làm chứng, có danh sách nêu trên) tại biên bản làm việc ngày 14/7/2023 của Tòa án thì có đủ cơ sở xác định bà A có tham gia giao dịch hụi như bà N đã trình bày. Do bà A vi phạm thỏa thuận khi tham gia giao dịch góp hụi gây thiệt hại cho bà N nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của bà N, sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo của bà A do bà N rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Các nội dung, quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà A được chấp nhận một phần nên bà A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 308, Điều 299, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 147, 148, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 468, 471 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Mai Thị Hồng A.

1. Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 03/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang và đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị N về việc yêu cầu bà A và ông T trả tiền nợ hụi đối với dây hụi mùa 5.000.000 đồng gồm 25 phần, hụi khui vào ngày 10/5/2015 âm lịch.

Bà N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 15/2023/DS-ST ngày 03/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị N:

2.1. Buộc bà Mai Thị Hồng A và ông Lê Văn T phải trả cho bà Mai Thị N số tiền nợ hụi là 438.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi tám triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Bà Mai Thị Hồng A và ông Lê Văn T phải tiếp tục trả cho bà Mai Thị N tiền hụi chết chưa đến kỳ khui hụi là 236.000.000 đồng khi đến kỳ khui hụi cho đến khi dây hụi mãn cụ thể như sau:

- Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 15/12/2021 âm lịch, gồm 27 phần, còn 02 kỳ hụi chết là 4.000.000 đồng.

- Hụi tháng 3.000.000 đồng, khui ngày 15/9/2021 âm lịch, gồm 26 phần, còn 09 kỳ hụi chết là 54.000.000 đồng.

- Hụi tháng 2.000.000 đồng, khui ngày 24/9/2021 âm lịch, gồm 24 phần, còn 09 kỳ hụi chết là 18.000.000 đồng.

- Hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 06/02/2020 âm lịch, gồm 20 phần còn 08 kỳ hụi chết là 40.000.000 đồng.

- Hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 06/5/2020 âm lịch, gồm 21 phần còn 10 kỳ hụi chết là 50.000.000 đồng.

- Hụi mùa 5.000.000 đồng, khui ngày 06/8/2020 âm lịch, gồm 24 phần còn 07 kỳ hụi chết là 70.000.000 đồng.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mai Thị Hồng A và ông Lê Văn T phải chịu 17.380.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Mai Thị N số tiền 18.975.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010458 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại cho bà Mai Thị Hồng A số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010947 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà A, ông T chậm thi hành số tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC.THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Nguyệt